

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 – 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Nùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Sửu	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Bạch Vân	Thành viên HĐQT
Ông Trần Công Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Sang	Thành viên HĐQT

2. Thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Sửu	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bạch Vân	Phó Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động: Lô G3.1 + G4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100649008 ngày 17 tháng 9 năm 2010 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Giao nhận, vận tải bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Mua bán, gia công, chế biến hạt điều xuất khẩu;
- Kinh doanh phân bón các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2010.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính 2010.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Văn Nùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Đồng Xanh*

Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Xanh sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010, được lập ngày 28 tháng 4 năm 2011, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Xanh tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Văn Tuyên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2011

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		194,011,648,167	137,163,122,025
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	6,127,036,994	6,988,587,490
1. Tiền	111		6,127,036,994	6,988,587,490
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	8,288,852,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	8,288,852,000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	100,099,562,313	49,180,381,357
1. Phải thu khách hàng	131		98,215,414,650	45,506,536,848
2. Trả trước cho người bán	132		376,840,827	2,934,107,430
3. Các khoản phải thu khác	138		1,507,306,836	739,737,079
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	86,825,773,468	68,544,226,956
1. Hàng tồn kho	141		87,130,940,961	68,624,555,619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(305,167,493)	(80,328,663)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	959,275,392	4,161,074,222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		671,133,718	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		177,282,873	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		110,858,801	4,161,074,222
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46,695,110,500	43,219,454,329
<i>I. Tài sản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		19,087,141,538	19,626,883,533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	12,273,978,482	12,684,041,169
- Nguyên giá	222		15,406,626,402	14,613,235,445
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,132,647,920)	(1,929,194,276)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	6,168,088,348	6,384,765,568
- Nguyên giá	228		6,866,456,500	6,866,456,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(698,368,152)	(481,690,932)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	645,074,708	558,076,796
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.08	23,985,030,087	19,818,242,658
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17,955,730,554	13,874,966,298
2. Đầu tư dài hạn khác	258		13,302,400,000	12,427,100,000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7,273,100,467)	(6,483,823,640)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3,622,938,875	3,774,328,138
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3,622,938,875	3,774,328,138
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240,706,758,667	180,382,576,354

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		62,200,504,660	52,321,126,002
I. Nợ ngắn hạn	310		62,200,504,660	50,521,126,002
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	25,064,651,775	21,493,809,000
2. Phải trả người bán	312	V.11	9,186,764,591	9,100,688,392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,747,933,976	3,603,192,713
4. Phải trả công nhân viên	315		451,874,701	195,720,000
5. Chi phí phải trả	316	V.13	7,281,124	39,810,801
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	20,615,903,863	10,751,265,479
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5,126,094,630	5,336,639,617
II. Nợ dài hạn	330		-	1,800,000,000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	-	1,800,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	178,506,254,007	128,061,450,352
I. Vốn chủ sở hữu	410		178,506,254,007	128,061,450,352
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6,000,000,000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(17,632,640)	(6,123,944)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		37,611,268,864	20,163,138,414
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		16,441,283,248	14,441,283,248
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		14,296,625,630	8,927,360,617
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,174,708,905	4,535,792,017
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		240,706,758,667	180,382,576,354
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			55,261	22,040
5. Ngoại tệ các loại - USD			240,753.72	10,446.19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu
 Ngày 28 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Huỳnh Nhi
 Kế toán trưởng

Lê Văn Sửu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		253,517,840,752	232,279,939,052
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,940,343,392	674,357,229
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	251,577,497,360	231,605,581,823
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	178,966,701,175	162,438,017,564
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72,610,796,185	69,167,564,259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1,029,418,754	740,353,191
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6,184,716,722	3,820,211,023
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,864,542,379</i>	<i>1,487,199,904</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	11,445,042,962	3,239,589,612
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	6,760,463,458	6,818,642,800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49,249,991,797	56,029,474,014
11. Thu nhập khác	31	VI.07	104,696,111	34,013,709
12. Chi phí khác	32	VI.08	33,221	404,830,046
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		104,662,890	(370,816,337)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49,354,654,687	55,658,657,677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3,428,153,366	2,576,719,522
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45,926,501,321	53,081,938,155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	VI.10	4,857	6,635

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu
Ngày 28 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Huỳnh Nhi
Kế toán trưởng

Lê Văn Sửu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	49,354,654,687	55,658,657,677
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,420,130,864	904,992,662
Các khoản dự phòng	03	1,014,115,657	(2,105,091,291)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11,508,696)	(6,123,944)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(473,305,187)	(691,971,600)
Chi phí lãi vay	06	1,864,542,379	1,487,199,904
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	53,168,629,704	55,247,663,408
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(47,046,248,408)	(28,165,176,658)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(18,506,385,342)	13,069,664,907
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TN phải nộp)	11	8,101,254,759	9,047,607,722
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(519,744,455)	(2,081,001,110)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1,857,261,255)	(1,447,389,103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,691,031,917)	(379,443,887)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(207,310,419)	(183,861,483)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11,558,097,333)	45,108,063,797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS DH khác	21	(880,388,869)	(7,798,168,403)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	104,654,545	23,095,670
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4,583,303,614)	(8,288,852,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12,872,155,614	5,500,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4,956,064,256)	(13,396,881,930)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	368,650,642	721,275,531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,925,704,062	(23,239,531,132)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	26,000,000,000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47,524,784,852	59,663,705,136
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45,753,942,077)	(60,369,896,136)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20,000,000,000)	(30,400,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7,770,842,775	(31,106,191,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(861,550,496)	(9,237,658,335)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,988,587,490	16,226,245,825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,127,036,994	6,988,587,490

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu
 Ngày 28 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Huỳnh Nhi
 Kế toán trưởng

Lê Văn Sửu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000077 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 09 ngày 17 tháng 9 năm 2010 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng

Tên thành viên	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Vốn góp thực tế đến 31/12/2010
Ông Phạm Văn Nùng	16.050.100.000	16.050.100.000
Ông Lê Văn Sửu	6.517.500.000	6.517.500.000
Ông Phạm Bạch Vân	6.105.000.000	6.105.000.000
Và Các cổ đông cá nhân khác	71.327.400.000	71.327.400.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

Trụ sở hoạt động: Lô G3.1 + G4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tổng số công nhân viên Công ty: 113 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Giao nhận, vận tải bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Mua bán, gia công, chế biến hạt điều xuất khẩu;
- Kinh doanh phân bón các loại.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Quyền sử dụng đất	theo thời hạn thuê

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Khi bán thành phẩm, hàng hóa doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

9. Thuế

Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết về thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là “TNDN”) hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động gia công, sản xuất: hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 07 năm tiếp theo;
- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ: hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong 10 năm, miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 06 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Năm tài chính 2010 là năm thứ năm Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

Ngoài thuế TNDN, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ lần lượt là 22%; 4,5% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

11. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của các cổ đông.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: Theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
Tiền mặt	27,559,660	13,579,259
Tiền gửi ngân hàng (*)	6,099,477,334	6,975,008,231
Cộng	6,127,036,994	6,988,587,490

(*): Bao gồm

Tiền gửi ngân hàng bằng VND	1,541,527,907	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (240,753.72 USD)	4,557,949,427	
Cộng		6,099,477,334

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	98,215,414,650	45,506,536,848
Trả trước cho người bán	376,840,827	2,934,107,430
Phải thu khác (*)	1,507,306,836	739,737,079
Cộng	100,099,562,313	49,180,381,357
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	100,099,562,313	49,180,381,357

(*) Bao gồm

Khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ của tháng 12 chưa kê khai	287,364,633	
Khoản cổ tức năm 2010 phải thu từ Ngân hàng TMCP Việt Á theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông của Ngân hàng này	636,450,000	
Khoản tiền cho mượn đến Công ty Cổ phần Huỳnh Mai (không hợp đồng và không lãi suất)	413,302,203	
Khoản tiền cho mượn đến Công ty Cổ phần Hạt Điều Long An (không hợp đồng và không lãi suất)	135,000,000	
Khoản tiền cho mượn thanh toán đến Công ty Cổ phần Long Hiệp (không hợp đồng và không lãi suất)	10,000,000	
Khoản tiền cho mượn thanh toán đến Công ty Cổ phần Bón Đúng (không hợp đồng và không lãi suất)	18,480,000	
Khoản chi hộ Cơ quan BHXH, BHYT về trợ cấp thai sản	6,710,000	
Cộng		1,507,306,836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	66,260,194,939	52,098,580,737
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	398,083,870	360,375,206
Thành phẩm	17,696,092,624	12,938,287,758
Hàng hóa	2,162,009,579	3,227,311,918
Hàng gửi đi bán	614,559,949	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	87,130,940,961	68,624,555,619
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(305,167,493)	(80,328,663)
Giá trị thuần có thể thực hiện	86,825,773,468	68,544,226,956

(*) Chi tiết số dư dự phòng hàng tồn kho cuối năm

Số dư dự phòng đầu năm	(80,328,663)
Số hoàn nhập dự phòng giảm giá trong năm	-
Số trích thêm dự phòng giảm giá trong năm	(224,838,830)
Số dư dự phòng cuối năm	(305,167,493)

4. Tài sản ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	671,133,718	-
Thuế GTGT còn được khấu trừ	177,282,873	-
Tạm ứng đến nhân viên	110,858,801	4,161,074,222
Cộng	959,275,392	4,161,074,222

(*): Bao gồm

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	137,090,517
Giá trị hàng hoá khuyến mãi chờ kết chuyển	534,043,201
Cộng	671,133,718

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	8,580,623,675	2,312,921,805	3,719,689,965	14,613,235,445
Tăng	-	707,250,966	86,139,991	793,390,957
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8,580,623,675	3,020,172,771	3,805,829,956	15,406,626,402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	844,779,723	677,934,179	406,480,374	1,929,194,276
Tăng	359,305,452	451,370,300	392,777,892	1,203,453,644
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1,204,085,175	1,129,304,479	799,258,266	3,132,647,920
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7,735,843,952	1,634,987,626	3,313,209,591	12,684,041,168
Số dư cuối năm	7,376,538,500	1,890,868,292	3,006,571,690	12,273,978,482

Nguyên giá tài sản cố định tăng do đầu tư mua sắm và sửa chữa, cải tạo mới.

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	6,866,456,500	6,866,456,500
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	6,866,456,500	6,866,456,500
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	481,690,932	481,690,932
Tăng	216,677,220	216,677,220
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	698,368,152	698,368,152
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	6,384,765,568	6,384,765,568
Số dư cuối năm	6,168,088,348	6,168,088,348

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá Quyền sử dụng đất cuối năm bao gồm:

a. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến hết ngày 31/10/2049 với diện tích 4.500 m² tại Thửa đất số 146 (Lô G3.1 + G4) thuộc tờ khai bản đồ số 30 đặt tại xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T01250 ngày 24/11/2006.

- Bên cho thuê: Công ty Liên Doanh Khai thác Hạnh Phúc theo Hợp đồng thuê đất số 16-03/HĐ-HP ngày 16/3/2005;

- Thời gian thuê: từ 16/3/2005 đến 31/10/2049;

- Tổng cộng tiền thuê: **45,000 USD;**

- Tiền thuê đã trả đến 31/12/2010 là: **714.397.500 VND (A)** tương đương **45,000 USD;**

- Thời gian phân bổ: bắt đầu từ tháng 07 năm 2006 đến tháng 10 năm 2049 (520 tháng).

b. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến tháng 10/2043 với diện tích 2.706,9 m² tại Thửa đất số 104 thuộc tờ khai bản đồ số 22 đặt tại Phường 3 - thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo phần nội dung thay đổi của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00843 ngày 13/01/2000.

- Bên chuyển nhượng: Ông Thái Thành Huôi và Bà Huỳnh Thùy Trang theo Hợp đồng chuyển nhượng đất số 07 ngày 13/11/2006;

- Thời gian sử dụng: từ 24/11/2006 đến tháng 10/2043;

- Tổng cộng tiền chuyển nhượng: **4.620.000.000 đồng;**

- Tiền chuyển nhượng đã trả đến 31/12/2010 là: **4.620.000.000 đồng (B);**

- Thời gian phân bổ: bắt đầu từ tháng 01/2007 đến tháng 10/2043 (442 tháng);

Vào ngày 27/12/2009, Công ty đã nộp tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên với tổng số tiền là **768.859.000 đồng (C)** theo thông báo của Chi cục Thuế Tp Đà Lạt. Khoản chi phí này dự kiến phân bổ từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2043.

c. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 29/10/2023 với diện tích 740 m² tại thửa đất số 985 thuộc tờ khai bản đồ số 3 đặt tại ấp Long Thuận A - Xã Long Phước - Huyện Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long theo phần nội dung thay đổi của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Y850262 ngày 29/10/2003.

- Bên chuyển nhượng: Bà Thái Thị Điện theo Hợp đồng chuyển nhượng số 3623 ngày 30/12/2008.

- Thời gian sử dụng: từ 05/02/2009 đến ngày 29/10/2023;

- Tổng cộng tiền chuyển nhượng: **763.200.000 đồng;**

- Tiền chuyển nhượng đã trả đến 31/12/2010 là: **763.200.000 đồng (D);**

- Thời gian phân bổ: bắt đầu từ tháng 02/2009 đến tháng 10/2023 (176 tháng);

Cộng (A) + (B) + (C) + (D) = 6.866.456.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2010	01/01/2010
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí chế tạo máy sản xuất thuốc bột	-	147,167,706
Khoản đặt cọc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	410,909,090	410,909,090
Chi phí sản xuất máy nghiền Jetmill	234,165,618	-
Cộng	645,074,708	558,076,796

Theo Hợp đồng đặt cọc số 475/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 22/8/2006 và Hợp đồng đặt cọc số 498/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 27/11/2006 về việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở - nhà ở tại Tiểu khu 2 - Khu dân cư Bình Trị Đông giữa Công ty với Công ty TNHH Ngân Sơn, Công ty sẽ đặt cọc 100% giá trị Quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Ngân Sơn (giá trị trên là 100% giá trị của 2 nền đất mã số A-05 và A.06) . Khi Công ty TNHH Ngân Sơn có bản vẽ thiết kế (theo quy hoạch) và dự toán nhà chi tiết của việc xây dựng cơ sở hạ tầng trên 2 nền đất này thì hai bên sẽ thống nhất thỏa thuận giá trị xây dựng nhà ở. Phương thức thanh toán giá trị xây dựng nhà ở sẽ được thực thi trên cơ sở của 2 Hợp đồng này.

	31/12/2010	01/01/2010
8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	(8.1) 17,955,730,554	13,874,966,298
Đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á	(8.2) 12,427,100,000	12,427,100,000
Khoản đầu tư mua 8.753 trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành	(8.3) 875,300,000	-
Cộng	31,258,130,554	26,302,066,298
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(8.4) (7,273,100,467)	(6,483,823,640)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn	23,985,030,087	19,818,242,658

	31/12/2010	01/01/2010
(8.1) Bao gồm		
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bốn Đúng	(a) 7,955,730,554	3,874,966,298
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Huỳnh Mai	(b) 10,000,000,000	10,000,000,000
Cộng	17,955,730,554	13,874,966,298

(a): Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bốn Đúng (có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng) với tỷ lệ sở hữu là 40% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế đến 31/12/2010 của Công ty là 7.955.730.554 đồng. Việc góp vốn này sẽ được kéo dài trong 03 năm. Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

(b): Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Huỳnh Mai (có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng) với tỷ lệ sở hữu là 20% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế đến 31/12/2010 của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(8.2): Bao gồm khoản đầu tư mua 350.000 cổ phiếu (giá mua là 33.000 đồng/cổ phiếu) của Ngân hàng TMCP Việt Á. Trong năm 2008, Công ty đã nhận được cổ tức tương đương 175 cổ phiếu và 87.500 cổ phiếu thưởng từ Ngân hàng TMCP Việt Á. Trong năm 2009, Công ty đã đầu tư mua thêm 87.535 cổ phiếu (giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu) theo thông báo về việc mua cổ phần tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2009. Trong năm tài chính này, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ Ngân hàng này là 30.977 cổ phiếu theo thông báo ngày 30/11/2010 về việc chia cổ tức năm 2009 của Ngân hàng TMCP Việt Á và 636.450.000 đồng từ kết quả kinh doanh năm 2010 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của ngân hàng này.

(8.3): Khoản đầu tư mua 8.753 trái phiếu chuyển đổi (mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu) do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành với lãi suất là 10%/năm. Ngày phát hành của trái phiếu này là 05/3/2010 và thời gian chuyển đổi thành cổ phiếu là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

(8.4) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn như sau:

Tên cổ phiếu	Số lượng 31/12/2010	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị thị trường (tham khảo 03 Công ty Chứng khoán)	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
VAB	556,187	22,343.38	9,266.67	(7,273,100,467)
Cộng	556,187			(7,273,100,467)

9. Chi phí trả trước	31/12/2010	01/01/2010
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	54,896,318	105,833,030
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	3,568,042,557	3,668,495,108
Cộng	3,622,938,875	3,774,328,138

(*): Chi phí thuê đất trả trước (tương đương 90% giá trị hợp đồng thuê lại đất số 15-11/HDTLD ngày 07/11/2008 được ký giữa hai bên) tại Lô đất rộng 4.589 m2 tọa lạc tại số MB1-4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Thời gian phân bổ còn lại là 466 tháng ước tính trên 100% giá trị hợp đồng (giá trị hợp đồng là: 4.118.554.660 đồng)

10. Vay ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	3,459,823,000	19,693,809,000
Vay từ Bà Thái Bích Lụa	4,625,623,875	-
Vay từ Bà Thái Thị Điện	2,200,000,000	-
Vay từ Bà Huỳnh Ngọc Lan	13,029,204,900	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1,750,000,000	1,800,000,000
Cộng	25,064,651,775	21,493,809,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết các khoản nợ vay :

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư nợ vay		Số dư nợ vay	
	đầu năm	Tăng	Giảm	cuối năm
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (10.1)	19,693,809	19,569,956	35,803,942	3,459,823
Vay từ Bà Thái Bích Lụa (10.2)	-	4,625,624	-	4,625,624
Vay từ Bà Thái Thị Điện (10.3)	-	2,200,000	-	2,200,000
Vay từ Bà Huỳnh Ngọc Lan (10.4)	-	15,429,205	2,400,000	13,029,205
Vay từ Ông Đinh Tấn Phong	-	850,000	850,000	-
Vay từ Bà Huỳnh Thị Nhựt Âu (10.5)	1,800,000	1,750,000	1,800,000	1,750,000
Cộng	19,693,809	49,274,785	45,703,942	25,064,652

(10.1): Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 910/2009/HĐ ngày 09/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 70 tỷ VND (bao gồm cả vay bằng VND và USD) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân (chưa ký bổ sung phụ lục hợp đồng mới), lãi suất vay là 5,6%/năm (đối với vay bằng USD), lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại:

- Thửa đất số Ô26, Ô31, Ô05, Ô06 tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và thửa đất số Ô18C tại xã Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương thuộc sở hữu của Bà Thái Bích Lụa.

- Thửa đất số Ô02, Ô02A tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và thửa đất số 260 tại số 16/3 đường 3/4, Phường 3, Tp Đà Lạt thuộc sở hữu của Ông Thái Hoàng Hân.

- Thửa đất số 29 tại số 19 đường số 19 - Cư xá Đài Rada Phú Lâm, Phường 13, Quận 6, Tp.HCM; thửa đất số 700 tại số B23/531 Trần Đại Nghĩa, Ấp 2, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM và thửa đất số 857 tại Phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng thuộc sở hữu của Ông Phạm Văn Nùng và Bà Thái Thị Điện.

- Thửa đất số 334 - 218 tại Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp.HCM; thửa đất số 1263 tại Phường Bình Khánh, Quận 2, Tp.HCM và nền đất số BC.36, BC.37 tại Khu dân cư Nam Hùng Vương - Bắc Trần Văn Kiêu do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh làm chủ đầu tư thuộc sở hữu của Ông Phạm Bạch Vân và Bà Huỳnh Ngọc Lan.

- Thửa đất số Ô10A tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và lô đất số PM- O18 tại xã Phú Mỹ, Thị Xã Thủ Đầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Sửu và Bà Huỳnh Thị Nhựt Âu.

Ngoài ra còn có các giấy tờ có giá khác là:

- 720.000 Cổ phiếu HAI do Ông Phạm Văn Nùng và Bà Thái Thị Điện làm chủ sở hữu.

- 100.000 Cổ phiếu HAI do Ông Phạm Bạch Vân và Bà Huỳnh Ngọc Lan làm chủ sở hữu.

- Các giấy tờ có giá khác của Cá nhân và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty và các cổ đông.

Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2010 là 182,750.00 USD tương đương 3.459.823.000 VND.

(10.2): Vay từ Bà Thái Bích Lụa theo nhiều hợp đồng vay vốn ngắn hạn với số nợ gốc vay tại ngày 31/12/2010 là 4.625.623.875 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 03 - 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay là 1%/tháng, tiền lãi vay được trả 1 lần cùng với tiền gốc vay khi đáo hạn. Khoản vay này là vay tín chấp.

(10.3): Vay từ Bà Thái Thị Điện theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số HĐV-ĐX/V09/10 ngày 25/11/2010 với số tiền vay là 2,2 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời gian đáo hạn của khoản vay này là 03 tháng kể từ ngày vay (cũng là ngày ký hợp đồng vay), lãi suất vay là 1%/tháng, tiền lãi vay được trả vào ngày 30 hàng tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

(10.4): Vay từ Bà Huỳnh Ngọc Lan theo nhiều hợp đồng vay vốn ngắn hạn với số dư gốc vay tại ngày 31/12/2010 là 13.029.204.900 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay từ 1%/tháng đến 1,3%/tháng, lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

(10.5) Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (**Mục số 15**).

	31/12/2010	01/01/2010
11. Phải trả người bán		
Phải trả người bán	9,186,764,591	9,100,688,392
Cộng	9,186,764,591	9,100,688,392
Bao gồm:		
Phải trả người bán bằng VND	6,323,260,212	
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (151,252.08 USD)	2,863,504,379	
Cộng		9,186,764,591
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT đầu ra	58,736,428	107,901,334
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	287,364,633	554,622,928
Thuế xuất, nhập khẩu	60,357,564	346,785,270
Thuế TNDN	1,313,840,990	2,576,719,522
Thuế TNCN	27,634,361	17,163,659
Cộng	1,747,933,976	3,603,192,713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay còn phải trả	7,281,124	39,810,801
Cộng	7,281,124	39,810,801
14. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	379,989,912	6,467,682
Cổ tức còn phải trả đến các cổ đông	20,000,000,000	10,708,100,000
Khoản tiền phải trả đến Công ty Cổ phần Huỳnh Mai do nhận dư về khoản chi hộ công ty này	-	36,697,797
Phải trả Bà Thái Bích Lụa về khoản tiền mượn không hợp đồng và không lãi suất	235,537,301	-
Phải trả khác	376,650	-
Cộng	20,615,903,863	10,751,265,479
15. Vay dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn	1,750,000,000	3,600,000,000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(1,750,000,000)	(1,800,000,000)
Cộng	-	1,800,000,000

Vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

- Hợp đồng trung dài hạn số 1129/2009/HĐ ngày 10/7/2009 với hạn mức vay là 2,7 tỷ đồng (số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 1,250 tỷ đồng), mục đích vay là xây dựng kho xưởng tại Lô MB 1-4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay tại ngày 31/12/2010 là 12,8%/năm, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay trung dài hạn này là các thửa đất số Ô03, Ô01, Ô04, Ô10 và Ô16 thuộc sở hữu của Ông Phạm Văn Nùng và Bà Thái Thị Điện.

- Hợp đồng trung dài hạn số 1682/2009/HĐ ngày 10/11/2009 với số tiền vay là 1 tỷ đồng (số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 0,5 tỷ đồng), mục đích vay là mua xe tải phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay tại ngày 31/12/2010 là 12,8%/năm, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay trung dài hạn này là quyền sử dụng đất tại thửa đất số Ô01 - Lô B2B (Khu liên hợp) tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Sửa và Bà Huỳnh Thị Nhựt Âu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000	20,000,000	-	100,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	-	6,000,000	-	6,000,000
Chênh lệch tỷ giá	(6,124)	(17,633)	(6,124)	(17,633)
Quỹ đầu tư phát triển	20,163,138	18,000,000	551,870	37,611,269
Quỹ dự phòng tài chính	14,441,283	2,000,000	-	16,441,283
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	8,927,361	5,459,265	90,000	14,296,626
Lợi nhuận chưa phân phối	4,535,792	45,926,501	46,287,584	4,174,709
Cộng	128,061,450	97,368,134	46,923,330	178,506,254

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối dùng để chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát số tiền 1.296.625.630 đồng và trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 13 tỷ đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối trong năm giảm do:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	18,000,000,000
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	2,000,000,000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	459,265,013
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,459,265,013
Tạm chia cổ tức năm 2010	20,000,000,000
Các khoản chi phạt	369,054,388
Cộng	46,287,584,414

16. a. Chi tiết vốn đầu tư

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Cổ phần thưởng	Cổ phần ưu đãi	Tổng số	Cổ phần thưởng	Cổ phần ưu đãi
Vốn nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn cổ đông	100,000,000	100,000,000	-	80,000,000	80,000,000	-
Thặng dư	6,000,000	6,000,000	-	-	-	-
CP quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	106,000,000	106,000,000	-	80,000,000	80,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. b. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	10,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu thường	10,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu thường	10,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. c. Chi tiết thành viên góp vốn

	Tỷ lệ	Năm 2010	Năm 2009
Ông Phạm Văn Nùng	16.05%	16,050,100,000	14,591,000,000
Ông Lê Văn Sửu	6.52%	6,517,500,000	5,925,000,000
Ông Phạm Bạch Vân	6.11%	6,105,000,000	5,550,000,000
Và các cổ đông các nhân khác	71.33%	71,327,400,000	53,934,000,000
Cộng	100.00%	100,000,000,000	80,000,000,000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	253,517,840,752	232,279,939,052
Cộng	253,517,840,752	232,279,939,052
Trừ Các khoản giảm trừ doanh thu	1,940,343,392	674,357,229
- Chiết khấu thương mại	687,381,646	103,597,729
- Hàng bán bị trả lại	1,252,961,746	570,759,500
Cộng	251,577,497,360	231,605,581,823

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp	178,741,862,345	163,261,071,245
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	224,838,830	35,454,809
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(858,508,490)
Cộng	178,966,701,175	162,438,017,564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi Ngân hàng	107,095,515	103,889,355
Lãi chênh lệch tỷ giá	24,318,112	19,077,660
Lãi cho vay	174,025,127	213,037,082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	636,450,000	404,349,094
Lãi mua trái phiếu chuyển đổi	87,530,000	-
Cộng	1,029,418,754	740,353,191
4. Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lãi vay	1,864,542,379	1,487,199,904
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,530,897,516	3,611,908,796
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	789,276,827	(1,282,037,610)
Chi phí tài chính khác	-	3,139,933
Cộng	6,184,716,722	3,820,211,023
5. Chi phí bán hàng	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	1,237,120,777	2,057,753,123
Chi phí khuyến mãi	4,413,461,402	639,943,589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,279,856,326	481,760,000
Chi phí bằng tiền khác	1,514,604,457	60,132,900
Cộng	11,445,042,962	3,239,589,612
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên	3,239,543,379	2,234,264,571
Chi phí đồ dùng văn phòng	99,484,053	9,027,882
Chi phí khấu hao TSCĐ	654,957,451	380,490,214
Thuế, phí và lệ phí	446,001,464	713,232,548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,269,926,456	2,734,191,013
Chi phí bằng tiền khác	1,050,550,655	747,436,572
Cộng	6,760,463,458	6,818,642,800
7. Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
Thu từ thanh lý TSCĐ và công cụ, dụng cụ	104,654,545	34,004,761
Thu nhập khác	41,566	8,948
Cộng	104,696,111	34,013,709

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2010	Năm 2009
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	24,250,454
Chi phí xử lý công nợ không thể thu hồi	33,221	22,040
Chi phí thuế nộp phạt theo biên bản quyết toán thuế năm 2008	-	4,085,453
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 không được miễn giảm khi quyết toán thuế với cơ quan thuế	-	376,472,099
Cộng	33,221	404,830,046

	Năm 2010
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49,354,654,687
Cộng các khoản chi phí không là chi phí thuế	2,866,228,772
Trừ lãi do nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	(636,450,000)
Trừ khoản chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn không là chi phí thuế năm 2009 (chưa tính thuế năm 2009)	(6,483,823,640)
Lợi nhuận tính thuế TNDN	45,100,609,819
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất	43,276,304,642
- Lợi nhuận từ hoạt động thương mại	1,824,305,178
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6,856,306,732
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất (15%)	6,491,445,696
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động thương mại (20%)	364,861,036
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP	3,428,153,366
- Thuế TNDN được giảm từ hoạt động sản xuất (50%)	3,245,722,848
- Thuế TNDN được giảm từ hoạt động thương mại (50%)	182,430,518
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp năm 2010	3,428,153,366
- Thuế TNDN tạm tính phải nộp từ hoạt động sản xuất	3,245,722,848
- Thuế TNDN tạm tính phải nộp từ hoạt động thương mại	182,430,518

Chi phí thuế TNDN hiện hành phải trả sẽ được quyết toán thực tế khi cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế.

	Năm 2010
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45,926,501,321
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45,926,501,321
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,455,702
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4,857

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ với các bên hữu quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty Cổ phần Huỳnh Mai	Công ty liên kết	Tiền cho mượn thanh toán	450,000,000
Công ty Cổ phần Bốn Đúng	Công ty liên kết	Góp vốn	4,080,764,256

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số dư</u>	<u>Phải thu/(Phải trả)</u>
Công ty Cổ phần Huỳnh Mai	Công ty liên kết	Phải thu khác	413,302,203
Công ty Cổ phần Bốn Đúng	Công ty liên kết	Phải thu khác	18,480,000

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Huỳnh Nhi

Kế toán trưởng

Lê Văn Sửu

Tổng Giám đốc